

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2017/DS-PT.
Ngày: 21/8/2017.
V/v tranh chấp Hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

-Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Hiền.

Các thẩm phán: Ông Lương Xuân Lộc.
Ông Nguyễn Gia Lương.

-Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tố Hoa, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang: Ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25/8/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 91/2016/TLPT-DS ngày 17/11/2016 về “Tranh chấp giao dịch Dân sự”.

Do bản án Dân sự sơ thẩm số 11/2016/DS-ST ngày 24/6/2016 của Tòa án nhân dân thành phố B bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 53/2017/QĐ-PT ngày 28/7/2017; Quyết định hoãn phiên tòa số 64/2017/QĐ-PT ngày 9/8/2017 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Ông Vũ Viết L, sinh năm 1954 - đã chết ngày 04/5/2017.

HKTT: Đường C, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

-Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Vũ Viết L:

1. Bà Ngô Thị C, sinh năm 1955 - vợ ông L;

2. Chị Vũ Thị H1, sinh năm 1977 - con ông L;

3. Chị Vũ Thị H2, sinh năm 1986 - con ông L;

Đều có HKTT: Đường C, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

4. Anh Vũ Viết H, sinh năm 1982 - con ông L.
HKTT: Đường T, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

5. Chị Vũ Thị H3, sinh năm 1984- con ông L.
HKTT: Đường T, phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

6. Chị Vũ Thị H4, sinh năm 1988- con ông L.
HKTT: Đường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Bà C; chị H1, chị H2, anh Vũ Viết H, chị H3, chị H4 đều vắng mặt.

-Bị đơn: Cụ Nguyễn Thị B, sinh năm 1924, vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền của cụ B: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1965 - con cụ B, có mặt.

Đều có HKTT: Đường Q, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

-Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1965- con cụ B - có mặt.

HKTT: đường H, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Người làm chứng: Ông Lê Quang H, sinh năm 1956.

HKTT: Đường Q, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

-Người kháng cáo: Cụ Nguyễn Thị B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Nguyên đơn là ông Vũ Viết L trình bày: Do Nhà nước có chủ trương thu hồi đất nông nghiệp của một số hộ dân ở phường L, thành phố B để cải tạo, nâng cấp đường 293 và theo ông được biết thì cứ 1.500 m² ruộng bị thu hồi thì Nhà nước sẽ cấp cho 1 lô đất tiêu chí để chuyển đổi nghề nên ông có nhờ ông Lê Quang H mua đất tiêu chí của một số hộ dân để ghép lô với nhau. Khi nào Nhà nước thu hồi ruộng thì ông sẽ được nhận tiền đền bù giải phóng mặt bằng và được cấp đất tiêu chí theo quy định. Khi nhờ ông Lê Quang H mua đất tiêu chí của các hộ dân thì ông đã thảo sẵn 1 số mẫu cụ thể như sau: Biên bản thỏa thuận chuyển nhượng tiêu chí đất sản xuất nông nghiệp có dấu xác nhận của chủ nhiệm HTX Đ mang tên ông là Vũ Viết L; Giấy cam kết mang tên Vũ Viết L mua đất cho ông (bà)....; Giấy ủy quyền gửi UBND phường T.... Các văn bản trên đều để trống tên người bán và người mua cũng như để trống tên người ủy quyền và người nhận ủy quyền.

Do ông và cụ Nguyễn Thị B cùng 1 Hợp tác xã T nên quen biết nhau. Ngày 21/4/2008, ông đã mua 816,1 m² ruộng của cụ B hộ ông với giá là 73.449.000đ. Khi ông đến nhà cụ B mua đất hộ ông thì chỉ có ông Lê Quang H mà không có ông đi cùng nhưng ông Lê Quang H có mối với ông là: Ông Nguyễn Văn H là con cụ B đã nhận đủ tiền và ký tên thay cho cụ B vào giấy biên nhận mà ông đã viết mẫu sẵn

đưa cho ông. Ông Nguyễn Văn H còn ký vào Biên bản thỏa thuận chuyển nhượng tiêu chí đất sản xuất nông nghiệp; Giấy ủy quyền của cụ B cho người mua để sau này làm các thủ tục nộp tiền và nhận đất tiêu chí của Nhà nước.

Sau khi nhận đủ tiền thì ông Nguyễn Văn H còn đưa cho ông Lê Quang H 01 bản phô tô giấy chứng nhận QSDĐ nông nghiệp và bản phô tô chứng minh thư của cụ B.

Nay, Nhà nước thay đổi chủ trương chỉ bồi thường tiền giải phóng mặt bằng cho những hộ gia đình có đất bị thu hồi mà không có đất phân lô trả cho các hộ. Hộ gia đình cụ B cũng bị thu hồi 1 phần ruộng và cũng được Nhà nước đền bù 1 khoản tiền. Vì không được nhận đất tiêu chí nên ông đã đòi tiền của cụ B nhiều lần nhưng cụ B vẫn không trả cho ông.

Nay, ông đề nghị Tòa án tuyên bố giao dịch giữa ông và cụ B là vô hiệu; Ông yêu cầu ông Nguyễn Văn H và cụ B phải trả lại cho ông số tiền 73.449.000đ.

Bị đơn là cụ Nguyễn Thị B do ông Nguyễn Văn H là đại diện theo ủy quyền của trình bày: Ông là con trai của cụ B. Hiện nay mẹ ông đang sống cùng vợ chồng ông. Cụ B có bán cho ông 860m² đất nông nghiệp để ghép lô tiêu trí với giá 90.000đ/m² thành tổng số tiền là 73.449.000đ, diện tích đất này đứng tên cụ B trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông đã nhận của ông Lê Quang H số tiền 73.449.000đ thay cho mẹ ông và ông đã chi tiêu số tiền này cho gia đình. Nay, ông L khởi kiện yêu cầu tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu và yêu cầu ông và cụ B phải trả lại ông L số tiền 73.449.000đ thì ông và mẹ ông không đồng ý vì ông và mẹ ông không giao dịch gì với ông L mà chỉ giao dịch với ông Lê Quang H, ông cũng không ký vào Giấy biên nhận ngày 21/4/2008 cũng như các văn bản khác như ông L đã trình bày.

Khi chuyển nhượng đất tiêu chí với ông Lê Quang H thì ông đã viết giấy biên nhận với ông Lê Quang H thể hiện ông là người bán còn ông Lê Quang H là người mua, 2 bên đã thỏa thuận: “ Nếu được đền bù tiêu chí thì ông Lê Quang H được hưởng còn không có tiêu chí thì ông Lê Quang H phải chịu”. Nay không có đất tiêu chí thì ông cũng không phải trả số tiền trên cho ông Lê Quang H.

+ Ông Lê Quang H trình bày: Ông và ông Vũ Viết L là hàng xóm và cùng làm trong hợp tác xã T cũ. Ông đã mua đất tiêu chí của cụ B hộ ông L. Ông là người trực tiếp trả tiền cho cụ B, ông Nguyễn Văn H là người đã nhận tiền và ký xác nhận vào giấy biên nhận dưới mục người bán là Nguyễn Thị B. Số tiền mua đất tiêu chí là tiền của ông L đưa cho ông. Thời gian gần đây thì ông Nguyễn Văn H có đến gặp ông và đưa cho ông 1 giấy biên nhận không ghi ngày tháng thể hiện việc

mua bán đất tiêu chí giữa ông với ông Nguyễn Văn H và trong giấy biên nhận này đã ghi: “nếu không có đất tiêu chí thì bên mua phải chịu, bên bán tiêu chí hoàn toàn không liên quan”. Ông Nguyễn Văn H đã yêu cầu ông ký dưới phần bên mua còn ông Nguyễn Văn H đã ký vào bên người bán. Ông cũng đồng ý và ký vào giấy biên nhận này theo yêu cầu của ông Nguyễn Văn H.

Do có nội dung trên, bản án Dân sự sơ thẩm số 11/2016/DSST ngày 24/6/2016 của Tòa án nhân dân thành phố B đã áp dụng khoản 1 Điều 25; Điểm a khoản 1 Điều 33; Điều 131; Điều 199; Điều 202; Điều 243; Khoản 1 Điều 245 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Điều 110; Điều 121, Điều 122, Điều 128, Điều 136 và Điều 137 Bộ luật Dân sự. Khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh Án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH 12 ngày 17/3/2009 xử:

- Tuyên bố giao dịch dân sự về việc chuyển nhượng tiêu trí đất sản xuất nông nghiệp thực hiện ngày 21/4/2008 giữa ông Vũ Viết L với cụ Nguyễn Thị B là vô hiệu.

- Buộc cụ Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Văn H trả cho ông Vũ Viết L số tiền 73.449.000 đồng (Bảy mươi ba triệu bốn trăm bốn mươi chín nghìn đồng).

Về án phí DSST: Cụ Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Văn H phải nộp 200.000đ án phí tuyên giao dịch dân sự vô hiệu và 3.672.450đ án phí về giải quyết hậu quả.

Hoàn trả ông Vũ Viết L số tiền 1.836.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2014/0001436 ngày 21/01/2015 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Bản án còn tuyên quyền kháng cáo và quyền thi hành án cho các bên đương sự.

Ông Nguyễn Văn H và cụ B vắng mặt khi xét xử. Ngày 27/6/2016, cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang đã đến nhà cụ B để giao bản án nhưng cụ B và ông Nguyễn Văn H vắng mặt. Bà Nguyễn Thị H là vợ ông Nguyễn Văn H không đồng ý nhận bản án thay cho cụ B và ông Nguyễn Văn H. Cùng ngày 27/6/2016, Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang tiến hành niêm yết bản án sơ thẩm. Ngày 06/10/2016, cụ B ủy quyền cho ông Nguyễn Văn H làm đơn kháng cáo không đồng ý trả tiền cho ông L.

Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang đã làm thủ tục kháng cáo quá hạn đối với ông Nguyễn Văn H.

Trong phiên họp xét kháng cáo quá hạn, ông Nguyễn Văn H đã trình bày: Lý do của việc kháng cáo quá hạn là do ngày 05/10/2016, ông Nguyễn Văn H và cụ B mới nhận được bản án sơ thẩm thông qua Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố B.

Tại Quyết định số 02/2016/QĐ-PT ngày 24/10/2016, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã chấp nhận việc kháng cáo quá hạn của cụ Nguyễn Thị B.

Ngày 30/12/2016, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã mở phiên tòa Dân sự phúc thẩm nhưng ông Nguyễn Văn H đề nghị giám định chữ ký và chữ viết “Nguyễn Thị B” trong Giấy biên nhận ngày 31/4/2008. Hội đồng xét xử đã phải ra Quyết định hoãn phiên tòa. Ngày 31/01/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã ra Quyết định tạm đình chỉ vụ án số 01A/2017/QĐ-PT để thu thập các chứng cứ và ra Quyết định trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết tại Phòng Kỹ thuật Hình sự - Công an tỉnh Bắc Giang.

Tại Kết luận giám định số 934/KLGD-PC 54 ngày 20/6/2017, Phòng Kỹ thuật Hình sự - Công an tỉnh Bắc Giang đã nêu: “Chữ viết B- Nguyễn Thị B dưới mục Người chuyển nhượng trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ viết của Nguyễn Văn H trên các tài liệu mẫu ký hiệu từ M1 đến M5 là do cùng một người viết ra.

Ngày 21/6/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã ra Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án số 07/2017/QĐ-PT.

Ngày 04/5/2017, ông Vũ Viết L chết. Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã đưa vợ và các con ông L là bà C; chị H1, chị H2, anh Vũ Viết H, chị H3, chị H4 vào tham gia tố tụng với tư cách là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng cho ông L.

Tại phiên tòa, những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông L mặc dù đã được Tòa án tổng đạt 2 lần hợp lệ giấy triệu tập phiên tòa nhưng vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 296 BLTTĐ xét xử vắng mặt những kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông L.

Cụ Nguyễn Thị B do ông Nguyễn Văn H đại diện vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ông Nguyễn Văn H đại diện theo ủy quyền của cụ Nguyễn Thị B trình bày: Ông chỉ nhận tiền của ông òa và giao dịch mua bán đất tiêu chí với ông Lê Quang H mà không giao dịch với ông L, ông cũng không đồng ý với kết luận giám định đã nêu, chữ ký Nguyễn Thị B trong giấy biên nhận do ông L xuất trình không phải chữ ký của ông. Ông không đồng ý trả tiền cho ông L, sau này nếu ông Lê Quang H khởi kiện đòi tiền của ông thì ông cũng đồng ý nhưng giữa ông và ông Lê Quang H

cũng đã thỏa thuận là: “nếu không có đất tiêu chí thì bên mua phải chịu, bên bán tiêu chí hoàn toàn không liên quan” nên ông cũng không phải trả tiền cho ông Lê Quang H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến:

- Về việc tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để thu thập thêm chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Do ông Vũ Viết L được biết Nhà nước sẽ có chủ trương thu hồi đất nông nghiệp của một số hộ dân ở thành phố B để cải tạo, nâng cấp đường 293 và cứ 1.500 m² ruộng bị thu hồi thì Nhà nước sẽ cấp cho 1 lô đất tiêu chí để chuyển đổi nghề. Ông L tin rằng khi nào Nhà nước thu hồi ruộng của ông L thì ông L sẽ được nhận tiền đền bù giải phóng mặt bằng và được cấp đất theo quy định nên ông L có nhờ ông Lê Quang H mua đất tiêu chí của một số hộ dân để ghép lô với nhau. Khi nhờ ông Lê Quang H mua đất tiêu chí của các hộ dân thì ông L đã thảo sẵn 1 số mẫu ghi rõ: Biên bản thỏa thuận chuyển nhượng tiêu chí đất sản xuất nông nghiệp có dấu xác nhận của chủ nhiệm HTX T mang tên ông là Vũ Viết L; Giấy cam kết mang tên Vũ Viết L mua đất cho ông (bà)....; Giấy ủy quyền gửi UBND phường T....Các văn bản trên đều để trống tên người bán và người mua cũng như để trống tên người ủy quyền và người nhận ủy quyền.

Theo phía ông L đã trình bày: Do ông L và cụ Nguyễn Thị B cùng 1 Hợp tác xã T nên quen biết nhau. Ngày 21/4/2008, ông Lê Quang H đã mua 816,1 m² ruộng của cụ B hộ ông với giá là 73.449.000đ. Khi mua, hai bên đã viết giấy biên nhận có nội dung:

“ Tôi là Nguyễn Thị B 1924. Địa chỉ: Tiền Giang 9, tổ Tiền Tiến. Tôi có diện tích đất sản xuất Nông nghiệp tại xứ đồng....tờ bản đồ số....diện tích 816,1 m² nay tôi chuyển nhượng cho ông Vũ Viết L. Phần tiêu chuẩn được ghép lô theo tiêu chí 1500 m² Nhà nước sẽ giao cho 1 lô đất để chuyển đổi nghề, còn khi nào Nhà nước có quyết định thu hồi tôi được nhận số tiền bồi thường giải phóng mặt bằng theo quy định của Nhà nước với số tiền 73.449.000đ. Nay tôi đã nhận đủ số tiền chuyển

nhượng tiêu chí và giao lại cho ông bà làm các thủ tục ghép lô theo quy định chung”. Ký tên dưới phần “người chuyển nhượng” Nguyễn Thị B, (BL 43).

Biên bản thỏa thuận chuyển nhượng tiêu chí đất sản xuất nông nghiệp có dấu xác nhận của chủ nhiệm HTX T mang tên ông là Vũ Viết L có nội dung: “... Bà Nguyễn Thị B có thửa ruộng sản xuất nông nghiệp:

Số thửa 02, tờ bản đồ 21, DT 247 m² ;

Số thửa 90-2, bản đồ 29, DT 379,3 m² ;

Số thửa 86, tờ bản đồ 29, DT 189,8 m² ;

Xứ đồng M- Tổng diện tích 816,1 m².

Nay tôi chuyển nhượng quyền được hưởng tiêu trí ghép lô quy định của UBND tỉnh Bắc Giang. Cú 1.500 m² đất sản xuất nông nghiệp Nhà nước thu hồi được mua 01 lô đất ở giảm giá 50% để chuyển đổi nghề (đang thực hiện năm 2007). Khi nào Nhà nước thu hồi chuyển mục đích sử dụng, gia đình tôi chỉ được hưởng tiền đền bù và tài sản trên đất. Còn nếu chính sách thay đổi không cho mua đất ở mà bồi thường bằng tiền giá cao hoặc không có giảm giá 50% thì gia đình tôi chỉ nhận đền bù theo quy định của Nhà nước. Còn phần đền bù chênh lệch giá cao, gia đình tôi phải trả cho bên nhận chuyển nhượng”. Ký tên dưới mục “người chuyển nhượng” - Nguyễn Thị B, (BL 21).

Phía ông Lê Quang H đồng ý với ý kiến của ông L và đã có lời khai như sau: Ông đã mua đất tiêu chí của cụ B hộ ông L. Ông là người trực tiếp trả tiền cho cụ B, ông Nguyễn Văn H là người đã nhận tiền và ký xác nhận vào giấy biên nhận dưới mục người bán là Nguyễn Thị B. Số tiền mua đất tiêu chí là tiền của ông L đưa cho ông. Thời gian gần đây thì ông Nguyễn Văn H có đến gặp ông và đưa cho ông 1 giấy biên nhận không ghi ngày tháng thể hiện việc mua bán đất tiêu chí giữa ông với ông Nguyễn Văn H và trong giấy biên nhận này đã ghi: “nếu không có đất tiêu chí thì bên mua phải chịu, bên bán tiêu chí hoàn toàn không liên quan”. Ông Nguyễn Văn H đã yêu cầu ông ký dưới phần bên mua còn ông Nguyễn Văn H đã ký vào bên người bán. Ông cũng đồng ý và ký vào giấy biên nhận này theo yêu cầu của ông Nguyễn Văn H, (BL 38)

Nay, ông L được biết Nhà nước đã thay đổi chủ trương và chỉ bồi thường tiền giải phóng mặt bằng cho những hộ gia đình có đất bị thu hồi mà không có đất tiêu chí trả cho các hộ. Hộ gia đình cụ Bc ùng đã bị thu hồi 1 phần ruộng và cũng được Nhà nước đền bù 1 khoản tiền mà không được cấp đất nên ông L không thể nhận được đất tiêu chí, ông L đã đòi tiền của cụ B nhiều lần nhưng cụ B vẫn không trả. Ông L đã khởi kiện đề nghị Tòa án tuyên bố giao dịch giữa ông và cụ B là vô

hiệu; ông L còn yêu cầu ông Nguyễn Văn H và cụ B phải trả lại cho ông L số tiền đã nhận là 73.449.000đ mà không yêu cầu lãi.

Bản án sơ thẩm đã tuyên bố giao dịch dân sự giữa cụ B và ông L là vô hiệu và buộc cụ B và ông Nguyễn Văn H phải trả cho ông L 73.449.000đ.

Sau khi xét xử, cụ B ủy quyền cho ông Nguyễn Văn H làm đơn kháng cáo không đồng ý trả tiền cho ông L với lý do ông Nguyễn Văn H và cụ B không giao dịch mua bán đất tiêu chí với ông L mà chỉ giao dịch với ông Lê Quang H.

Xét yêu cầu kháng cáo của cụ B do ông Nguyễn Văn H đại diện không đồng ý trả tiền cho ông L, Hội đồng xét xử xét thấy:

Ông Lê Quang H đã trình bày là số tiền 73.449.000đ là của ông L đưa cho ông Lê Quang H để ông Lê Quang H mua hộ đất tiêu chí của cụ B.

Ông Nguyễn Văn H không thừa nhận mình ký thay cụ B trong giấy biên nhận ngày 21/4/2008 và trình bày là cụ B và ông Hùng chỉ giao dịch với ông Lê Quang H. Ông Nguyễn Văn H còn xuất trình bản phô tô Giấy biên nhận thể hiện có việc mua bán đất tiêu chí giữa ông Nguyễn Văn H với ông Lê Quang H. Tại Giấy biên nhận này thì ông ỏ đã ký với tư cách là người đại diện cho bên mua còn ông Nguyễn Văn H đã ký với tư cách là người đại diện cho bên bán. Văn bản này còn thể hiện 2 bên đã thỏa thuận: “Nếu không có tiêu chí thì bên mua phải chịu, bên bán tiêu chí hoàn toàn không liên quan”, (BL 28). Nhưng ông Nguyễn Văn H cũng đã thừa nhận là có nhận tiền số tiền chuyển nhượng đất tiêu chí nông nghiệp do ông Lê Quang H đưa là 73.449.000đ.

Theo kết luận giám định đã nêu chữ ký Nguyễn Thị B trong giấy biên nhận đề ngày 21/4/2008 và chữ ký Nguyễn Thị B trong mẫu so sánh là do cùng 1 người viết ra.

Như vậy, lời khai của ông L hoàn toàn phù hợp với lời khai của ông Lê Quang H và hoàn toàn phù hợp nội dung đã được ghi trong giấy Biên nhận đề ngày 21/4/2008 do ông L xuất trình.

Như vậy, phải xác định giữa cụ B, ông Nguyễn Văn H và ông L đã giao kết với nhau 01 Hợp đồng chuyển nhượng đất tiêu chí nông nghiệp ngày 21/4/2008. Cụ B là người chuyển nhượng còn ông L là người nhận chuyển nhượng. Ông Nguyễn Văn H là con của cụ B đã nhận tiền chuyển nhượng và ký thay cụ B vào giấy biên nhận nói trên.

Theo Điều 106 Luật đất đai năm 2003 thì người chuyển nhượng quyền sử dụng đất phải có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cụ B chuyển nhượng đất tiêu chí với ông Lịch khi cụ B chưa được Nhà nước cấp đất và chưa có giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất như vậy là trái với quy định đã nêu ở trên. Theo Điều 128 BLDS năm 2005 thì đây là 1 giao dịch dân sự vô hiệu do vi phạm điều cấm của pháp luật. Theo Điều 137 BLDS năm 2005 về hậu quả của giao dịch dân sự vô hiệu thì không phát sinh thay đổi, chấm dứt quyền và nghĩa vụ dân sự của các bên kể từ thời điểm xác lập.

Ông Nguyễn Văn H cho rằng căn cứ vào văn bản thỏa thuận giữa ông Nguyễn Văn H và ông Lê Quang H thì ông Nguyễn Văn H không có liên quan đến ông L là không có cơ sở chấp nhận vì theo ông Lê Quang H trình bày thì sau này ông Nguyễn Văn H có đến gặp ông Lê Quang H và ông Nguyễn Văn H đã yêu ông Lê Quang H ký vào Giấy biên nhận này. Hơn nữa, theo như sự phân tích ở trên thì nếu có việc thỏa thuận giữa ông Nguyễn Văn H và ông Lê Quang H là có thật thì cũng là trái với quy định của pháp luật, ông Nguyễn Văn H cũng không thể phủ nhận được tính pháp lý của giấy biên nhận đề ngày 21/4/2008.

Do ông Nguyễn Văn H là người nhận tiền của ông L thay cụ B và ông Nguyễn Văn H đã sử dụng số tiền chi tiêu cho gia đình mà cụ B cũng là 1 thành viên trong gia đình ông Nguyễn Văn H. Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L và buộc ông Nguyễn Văn H và cụ B phải thực hiện nghĩa vụ dân sự liên đới trả cho ông L số tiền 73.449.000đ là có căn cứ, phù hợp với quy định của Điều 298 và Điều 137 BLDS năm 2005. Hội đồng xét xử xét thấy: Kháng cáo của cụ B là không có cơ sở chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm đã xử về nội dung trên.

Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, ông Nguyễn Văn H đã khai là ông Nguyễn Văn H có giao dịch với ông Lê Quang H, lẽ ra Tòa án cấp sơ thẩm phải đưa ông Lê Quang H vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan để tiến hành cho ông Lê Quang H tham gia đối chất với ông L và ông Nguyễn Văn H. Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã đưa ông Lê Quang H vào tham gia tố tụng với tư cách của người làm chứng và đã cho ông Lê Quang H tham gia hòa giải và đối chất với ông L và ông Nguyễn Văn H. Tại Tòa án cấp phúc thẩm, ông Nguyễn Văn H đã đề nghị giám định chữ ký trong giấy biên nhận đề ngày 21/4/2008. Sau khi có kết luận giám định thì Tòa án cấp phúc thẩm xét thấy không cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm với lý do Tòa án cấp sơ thẩm đã bỏ lọt người tham gia tố tụng.

Do pháp luật có sự thay đổi, cụ B là người cao tuổi nên theo điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 thì cụ B không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm. Ông Nguyễn Văn H vẫn

phải phải chịu 200.000đ án phí về việc Nguyên đơn là ông L yêu cầu tuyên giao dịch dân sự vô hiệu. Do ông Nguyễn Văn H và cụ B phải phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông L số tiền 73.449.000đ và do cụ B được miễn án phí nên ông Nguyễn Văn H phải chịu 1/2 số tiền án phí dân sự sơ thẩm (3.672.450đ/2) đối với yêu cầu của ông L về việc giải quyết hậu quả của Hợp đồng vô hiệu.

Tại thời điểm xét xử sơ thẩm, việc tuyên lãi suất chậm thi hành án được áp dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005. Do Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực pháp luật từ ngày 01/01/2017 nên phần lãi suất chậm thi hành án được áp dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Do Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 có hiệu lực từ ngày 1/7/2016 nên việc áp dụng các Điều luật của Bộ luật tố tụng dân sự tại phần quyết định của bản án phúc thẩm cũng có sự thay đổi so với bản án sơ thẩm.

Do ông Vũ Viết L chết nên cần buộc ông Nguyễn Văn H và cụ B phải trả tiền cho những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông L nhận đó là: Bà C; chị H1, chị H2, anh Vũ Viết H, chị H3, chị H4.

Hội đồng xét xử xét thấy cần sửa bản án sơ thẩm về án phí dân sự; lãi suất chậm thi hành án dân sự; phần áp dụng các Điều luật của Bộ luật tố tụng dân sự và những người được hưởng quyền lợi thay cho ông L theo sự phân tích ở trên.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 308 BLTTDS không chấp nhận kháng cáo của cụ Bút, sửa 1 phần bản án sơ thẩm đã xử.

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 74, Điều 147; Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 110; Điều 121, Điều 122, Điều 128, Điều 136, Điều 137, Điều 298 của Bộ luật dân sự. Khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH 12 ngày 17/3/2009. Điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 xử:

Tuyên bố giao dịch dân sự về việc chuyển nhượng tiêu chí đất sản xuất nông nghiệp thực hiện ngày 21/4/2008 giữa ông Vũ Viết L với cụ Nguyễn Thị B là vô hiệu.

Buộc cụ Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Văn H phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông Vũ Viết L số tiền 73.449.000đ (bảy mươi ba triệu bốn trăm bốn mươi chín nghìn đồng) do những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Vũ Viết L nhận đó là: Bà C; chị H1, chị H2, anh Vũ Viết H, chị H3, chị H4.

***Về án phí DSST:**

-Cụ Nguyễn Thị B không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

-Ông Nguyễn Văn H phải chịu 200.000đ án phí tuyên giao dịch dân sự vô hiệu và phải chịu 1.836.000đ án phí về giải quyết hậu quả của Hợp đồng vô hiệu.

-Hoàn trả ông Vũ Viết L số tiền 1.836.000đ do những Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông L được nhận đó là: Bà C; chị H1, chị H2, anh Vũ Viết H, chị H3, chị H4 (là số tiền tạm ứng án phí mà ông Lịch đã nộp) theo Biên lai thu tiền số AA/2014/0001436 ngày 21/01/2015 tại Chi cục Thi hành án thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

***Án phí DSPT:** Cụ B không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn trả cụ B 200.000đ tiền tạm ứng án phí kháng cáo theo Biên lai thu tiền số 05823 ngày 18/11/2016 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

***Chi phí giám định:** Ông Nguyễn Văn H phải nộp 3.300.000đ tiền chi phí giám định. Xác nhận ông Nguyễn Văn H đã nộp đủ số tiền trên.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi gửi:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Toà án nhân dân thành phố B;
- Chi cục THADS thành phố B;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

- Các đương sự;
- Lưu HS; VP.

Phạm Thị Minh Hiền